

Bản án số: 60/2019/DS-ST

Ngày: 18/9/2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.

2. Ông Phan Hồng Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C – Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST-DS ngày 18/7/2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐST - DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 132, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964; địa chỉ D2, Cư xá Phú Lâm B, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Tại văn bản ủy quyền số 38 ngày 07/8/2019)

2. *Bị đơn:* 2.1 Ông Lê Văn L, sinh năm 1954

2.2 Bà Trần Thị N (N1), sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: ấp F, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Tất cả cùng có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Dương Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ trình bày:

Ông Trần Quốc Đ là chủ hộ kinh doanh của cơ sở thức ăn thủy sản Quốc Đ. Từ năm 2017 đến năm 2019 vợ chồng ông Lê Văn L, bà Trần Thị N có đến cơ sở của ông Đ mua thức ăn, thuốc về nuôi tôm nhiều lần. Việc mua bán có ghi vào sổ cho đôi bên giữ. Khi mua bán cùng nhau, phía ông L, bà Nthỏa thuận sẽ thanh toán dứt nợ cho ông Đ vào thời gian thu hoạch tôm. Thời gian đầu ông L, bà N thanh toán tiền cho ông Đ rất tốt nhưng sau đó thì số tiền thiếu lại ngày càng tăng lên. Đến tháng 01 năm 2018 ông L, bà N thiếu ông Đ số tiền 76.098.000 đồng; Từ tháng 03/2019 đến tháng 5/2019 ông L, bà N tiếp tục thiếu

ông Đ thêm số tiền 68.133.000 đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở thì ông L, bà N có thanh toán cho ông Đ được 24.000.000 đồng vào ngày 03/6/2019, đồng thời đôi bên có lập Giấy xác nhận nợ. Kể từ thời gian trên phía ông L, bà N không thanh toán thêm cho ông Đ số tiền nào. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà N liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền nợ gốc đã mua thức ăn và thuốc thủy sản là 144.231.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ tháng 3/2019 đến tháng tòa xét xử, số tiền 24.000.000 đồng ông L, bà N thanh toán vào ngày 03/6/2019 ông Đ sẽ khấu trừ vào tổng số tiền phải thanh toán của ông L, bà N.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Dương Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ xác định nguyên đơn Trần Quốc Đ chỉ yêu cầu tòa buộc ông Lê Văn L, bà Trần Thị N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản tổng cộng là 124.288.796 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 120.231.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi một ngàn đồng), tiền lãi của số tiền 120.231.000 đồng tính từ ngày 03/6/2019 đến ngày 03/9/2019 (là 03 tháng) với mức lãi suất 1,125%/tháng thành tiền lãi là 4.057.796 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phía bị đơn ông Lê Văn L, bà Trần Thị N trình bày:

Trong quá trình làm kinh tế, từ năm 2013 vợ chồng ông L, bà N có nhiều lần mua thức ăn tôm, thuốc nuôi tôm từ cơ sở của ông Đ về nuôi tôm. Thời gian đầu vợ chồng ông L, bà N thanh toán tiền cho ông Đ rất đầy đủ, đúng hạn. Từ tháng 2/2019 vì nuôi tôm không thuận lợi nên có thiếu lại ông Đ một phần tiền mua thức ăn tôm, thuốc nuôi tôm. Đến tháng 3/2019 đôi bên có ngồi chốt nợ lại với nhau số nợ ông L, bà N còn thiếu ông Đ, có lập thành văn bản đó là Giấy xác nhận nợ ngày 03/6/2019. Phía vợ chồng ông L, bà N có xác nhận (ông L ký tên, bà N gạch dấu thập vì không biết chữ). Tại buổi làm giấy xác nhận nợ vợ chồng ông L, bà N có trả cho ông Đ được số tiền 24.000.000 đồng. Chỉ thiếu lại ông Đ số tiền 120.231.000 đồng. Từ đó tới nay chưa thanh toán được cho ông Đ thêm số tiền nào. Hiện nay ông Đ không bán thiếu thức ăn nuôi tôm cho ông L, bà N và ông L, bà N cũng chưa thanh toán được số tiền 120.231.000 đồng cho ông Đ nên bị ông Đ khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì ông L, bà N đồng ý thanh toán cho ông Đ số tiền 120.231.000 đồng nhưng xin thanh toán dần 30.000.000 đồng/năm, còn tiền lãi thì xin không trả vì hiện giờ hoàn cảnh quá khó khăn, không có khả năng thanh toán một lần.

Ý kiến nói trên của ông L, bà N không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý.

Từ các lời trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét việc ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền mua thức ăn, thuốc nuôi tôm còn thiếu tổng cộng là 124.288.796 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm

chín mươi sáu đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là 120.231.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi một ngàn đồng), tiền lãi của số tiền 120.231.000 đồng tính từ ngày 03/6/2019 đến ngày 03/9/2019 (là 03 tháng) với mức lãi suất 1,125%/tháng thành tiền lãi là 4.057.796 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng) Hội đồng xét xử thấy:

[1] Việc mua bán thức ăn, thuốc nuôi tôm giữa ông Đ và ông L, bà N là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có việc mua bán cùng nhau, thừa nhận ngày 03/6/2019, ông L, bà N có trả cho ông Đ số tiền 24.000.000 đồng và đôi bên có lập giấy xác nhận chốt số nợ ông L, bà N còn thiếu ông Đ là 120.231.000 đồng. Giấy xác nhận nợ ngày 03/6/2019 được xem là chứng cứ để Tòa án giải quyết vụ kiện.

[2] Từ ngày chốt nợ (ngày 03/6/2019) đến nay ông L, bà N chưa thanh toán được ông Đ số tiền nợ gốc 120.231.000 đồng còn thiếu là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu ông L, bà N thanh toán tiền mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản chưa thanh toán tổng cộng là 124.288.796 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Việc thừa nhận nợ, nhưng xin trả dần tiền gốc, xin phần tiền lãi của phía bị đơn ông L, bà N là không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận và cũng không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí DS-ST có giá ngạch: 6.214.439 đồng bị đơn phải nộp tuy nhiên ông L, bà N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1/-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ. Buộc bị đơn ông Lê Văn L, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Quốc Đ số tiền là 124.288.796 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó: tiền gốc là 120.231.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi một ngàn đồng), tiền lãi là 4.057.796 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng).

2/- Không chấp nhận việc ông Lê Văn L, bà Trần Thị N yêu cầu thanh toán dần cho ông Đ số tiền gốc 120.231.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi một ngàn đồng) dưới hình thức 30.000.000 đồng/năm và không phải thanh toán số tiền lãi 4.057.796 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 6.214.439 đồng (Sáu triệu, hai trăm mười bốn ngàn, bốn trăm ba mươi chín đồng) bị đơn ông Lê Văn L, bà Trần Thị N phải nộp, tuy nhiên ông L, bà N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp số tiền án phí nói trên.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Quốc Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.290.000 đồng (Ba triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004977 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Rễn

